

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ PHUN TƯỚI BẢO LONG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ PHUN TƯỚI BẢO LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAO LONG SPRAYING EQUIPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110314552

3. Ngày thành lập: 07/04/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 244/141 Phố Giáp Nhị, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0964893088

Fax:

Email: thietbiphuntuoibaolong@gmail.com Website: thietbiphuntuoibaolong.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543

13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm (Trừ động vật hoang dã)	4632
17.	Bán buôn đồ uống (Trừ đồ uống có cồn)	4633
18.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
19.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm)	4649
20.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
21.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653(Chính)
23.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ loại cấm)	4661
24.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)	4662
25.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
26.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại nhà nước cấm)	4669
27.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
28.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
29.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
30.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
31.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	7020
32.	Quảng cáo (Trừ hoạt động quảng cáo quy định tại Điều 7 Luật Quảng cáo 2012)	7310
33.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
34.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
35.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420

36.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Trừ Thanh toán hồi phiếu, thông tin tỷ lệ lượng, hoạt động của các nhà báo độc lập và hoạt động tư vấn chứng khoán)	7490
37.	Cho thuê xe có động cơ	7710
38.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
39.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ bán lẻ thuốc lá, thuốc Lào)	4711
40.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4719
41.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
42.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
43.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đồ uống có cồn)	4723
44.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
45.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
46.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
47.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
48.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
49.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
50.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
51.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
52.	Sản xuất đường	1072
53.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
54.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
55.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
56.	Sản xuất chè	1076
57.	Sản xuất cà phê	1077
58.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
59.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
60.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
61.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
62.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
63.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
64.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
65.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
66.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú (trừ loại cấm)	1420
67.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430

68.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
69.	Sản xuất giày, dép	1520
70.	In ấn (trừ loại cầm)	1811
71.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
72.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
73.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
74.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
75.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường)	5610
76.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
77.	Dịch vụ ăn uống khác (trừ kinh doanh quán bar)	5629
78.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ kinh doanh quán bar)	5630
79.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
80.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
81.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
82.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
83.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
84.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
85.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
86.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
87.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
88.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
89.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
90.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
91.	Thu gom rác thải không độc hại (Không chứa, phân loại, xử lý, tái chế rác thải tại địa điểm trụ sở chính)	3811
92.	Thu gom rác thải độc hại (Không chứa, phân loại, xử lý, tái chế rác thải tại địa điểm trụ sở chính)	3812

93.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại (Chỉ được xử lý và tiêu hủy sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)	3821
94.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (Chỉ được xử lý và tiêu hủy sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)	3822
95.	Tái chế phế liệu (Chỉ được xử lý và tiêu hủy sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)	3830
96.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (Không chứa, phân loại, xử lý, tái chế rác thải tại địa điểm trụ sở chính)	3900
97.	Xây dựng nhà để ở	4101
98.	Xây dựng nhà không để ở	4102
99.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
100.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
101.	Xây dựng công trình điện	4221
102.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
103.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
104.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
105.	Xây dựng công trình thủy	4291
106.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
107.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
108.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Không bao gồm chia tách đất và cải tạo đất)	4299
109.	Phá dỡ (trừ hoạt động nổ mìn)	4311
110.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ hoạt động nổ mìn)	4312
111.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
112.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
113.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
114.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
115.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
116.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

